

BÁO CÁO

Sơ kết thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Công văn số 6484/BNN-LN ngày 14/9/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo sơ kết thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”. Căn cứ kết quả triển khai, thực hiện và trên cơ sở đề cương, yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông báo cáo như sau:

1. Tình hình triển khai, xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao tại mục VI của Quyết định số 524/QĐ-TT ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Đắk Nông chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương, đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh tổ chức rà soát, xác định quỹ đất trồng rừng phòng hộ, đất trồng mới rừng sản xuất; đất quy hoạch trồng cây xanh đô thị, đất quy hoạch trồng cây xanh phân tán vùng nông thôn; xây dựng, ban hành Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 14/7/2021 về việc triển khai thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; cụ thể: Giai đoạn 2021-2025 hoàn thành chỉ tiêu trồng 11 triệu cây xanh phù hợp với điều kiện sinh thái, quy hoạch và quỹ đất hiện có của từng địa phương, trong đó: 3 triệu cây phân tán và 8 triệu cây trồng rừng tập trung, tương đương với tổng diện tích quy đổi là 8.000 ha.

Đồng thời, hàng năm tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu phát triển rừng, trồng cây xanh phân tán đến từng địa phương, đơn vị chủ rừng để triển khai, thực hiện.

2. Kết quả huy động nguồn lực và tổ chức trồng cây xanh 3 năm (2021-2023), dự kiến kế hoạch năm 2024 và 2025

2.1. Kết quả thực hiện, nguồn lực triển khai

- Triển khai Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 14/7/2021, UBND tỉnh Đắk Nông đã giao các địa phương, đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông chủ động rà soát quỹ đất, xây dựng kế hoạch phát triển rừng trên lâm phần quản lý; đồng thời, giao chỉ tiêu, kế hoạch thực hiện (Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 về việc giao kế hoạch phát triển rừng năm 2021 (đợt 1), Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 về việc giao kế hoạch phát triển rừng năm 2021 (đợt 2); Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về việc phê duyệt đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và

trồng cây phân tán giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và 790/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 về việc giao kế hoạch phát triển rừng năm 2022 (02 đợt); Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 05/5/2022 về việc Tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán năm 2022; Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 và 457/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 về việc giao kế hoạch phát triển rừng năm 2023 (02 đợt); Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 08/5/2022 về việc Tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán năm 2023).

- Năm 2021 - 2022, đã triển khai trồng 6.781,295 ha (trong đó: Trồng rừng tập trung 1.935,17 ha, trồng cây phân tán 329,44 ha, trồng nông lâm kết hợp 1.165,79 ha, cây đặc sản và cây đa mục đích 3.350,9 ha) tương đương 5.111.271 cây đạt 117,7 % so với chỉ tiêu Kế hoạch giao năm 2021 - 2022 (4.341.500 cây).

- Năm 2023: Tổng diện tích đã trồng rừng trong năm 2023 tính đến ngày 20/9/2023 là 2.106,40 ha (trong đó: Trồng rừng tập trung 1.423,15 ha; trồng cây phân tán 169,45 ha và trồng nông lâm kết hợp 513,80 ha), tương đương 2.652.010 cây đạt 119,5 % so với chỉ tiêu Kế hoạch giao năm 2023 (2.219.500 cây). Hiện nay, UBND tỉnh Đắk Nông đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các địa phương, đơn vị rà soát, cập nhật đối với diện tích trồng rừng, trồng cây phân tán ngoài kế hoạch được giao (Kèm phụ lục 1).

- Kinh phí triển khai: Ngoài kinh phí trồng rừng thay thế do các chủ đầu tư chuyên mục đích sử dụng rừng nộp vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng để trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, tiền dịch vụ môi trường rừng chưa xác định đối tượng chi trồng cây phân tán; kinh phí còn lại chủ yếu là của doanh nghiệp, hộ gia đình cá nhân tự bỏ vốn trồng rừng (Kèm phụ lục 2).

2.2. Kế hoạch năm 2024, 2025

Giai đoạn từ năm 2021 đến nay, tỉnh Đắk Nông đã triển khai trồng khoảng 7,8 triệu cây/11 triệu cây; theo kế hoạch được giao thì sẽ phải triển khai trồng thêm khoảng hơn 3 triệu cây. Do đó, trong năm 2024, 2025 tỉnh Đắk Nông sẽ chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương liên quan tiếp tục rà soát xây dựng kế hoạch trồng cây xanh để triển khai, thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao (Kèm phụ lục 3).

3. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất

3.1. Khó khăn, vướng mắc

- Quỹ đất trồng rừng: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp lớn; tuy nhiên, hầu hết diện tích này bị người dân lấn, chiếm trồng cây nông nghiệp; việc cưỡng chế, giải tỏa để trồng rừng gặp nhiều khó khăn, dễ gây mất an ninh trật tại địa phương.

- Điều kiện đất đai, khí hậu tại địa phương phù hợp với nhiều loài cây nông nghiệp có giá trị kinh tế cao, trong khi trồng rừng có chu kỳ dài, lợi nhuận thấp, rủi ro cao nên người dân không tích cực tham gia trồng rừng.

- Về nguồn vốn: UBND tỉnh Đắk Nông đã báo cáo các cơ quan trung ương bố trí nguồn vốn theo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa được phân bổ.

3.2. Kiến nghị, đề xuất

- Đề xuất các Bộ, ngành Trung ương xem xét hướng dẫn xử lý đôi diện tích đất bị lấn, chiếm để triển khai trồng rừng nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên, tránh gây mất an ninh trật tự tại địa phương khi cưỡng chế, giải tỏa theo quy định; đồng thời, xem xét bổ sung danh mục trồng rừng các loài cây có năng suất, chất lượng, nhằm nâng cao giá trị kinh tế rừng trồng, từ đó khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng; trong đó đặc biệt quan tâm đến các loài cây thân gỗ, tán rộng, rễ cọc... có tác dụng phòng hộ, giữ đất, giữ nước, cải thiện môi trường sinh thái, vừa có giá trị kinh tế cao như Mít (*Artocarpus heterophyllus*), Bơ (*Persea americana*), Sầu riêng (*Durio zibethinus*), Vú sữa (*Chrysophyllum cainito*), Chôm chôm (*Nephelium lappaceum*), Hồng xiêm (*Sapôchê*), Mãng cầu Xiêm (*Annona muricata*), Mãng cụt (*Garcinia mangostana*), Mận (*Syzygium samarangense*), Nhãn (*Dimocarpus longan*), Xoài (*Mangifera indica*); đây là các loài cây có chiều cao từ 5 đến 10 m, có một số cây đến 25 m.

- Bố trí đủ nguồn kinh phí để thực hiện hiệu quả Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (đề xuất tại Báo cáo 643/BC-UBND ngày 14/9/2021 về việc Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; Công văn số 1593/SNN-KL ngày 08/7/2022 về việc đăng ký kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2023).

Trên đây là báo cáo sơ kết thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”, UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(Thị).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỒNG CÂY XANH GIAI ĐOẠN 2021-2023
(Kèm Báo cáo số 634 /BC-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Chia các năm					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023			
					KH	Đã TH	Ước TH cả năm	
(1)	(2)	(3=4+5+8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I	Tổng DT trồng rừng tập trung (ha)	3.358,32	922,72	1.012,45	1.000,00	1.423,15	1.423,15	
	Quy ra tổng số cây tương đương (ĐVT: 1.000 cây). Trong đó:	5.373,30	1.476,35	1.619,91	1.600,00	2.277,04	2.277,04	
1	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng (ha)							
	<i>Quy ra số cây tương đương (1.000 cây)</i>							
2	Trồng mới rừng sản xuất (ha)							
	<i>Quy ra số cây tương đương (1.000 cây)</i>							
II	Trồng cây xanh phân tán (ĐVT: 1.000 cây)	498,89	53,84	275,60	619,50	169,45	169,45	
1	Khu vực đô thị: đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng, vườn nhà và các công trình công cộng khác....(1.000 cây)							Ngoài ra còn có diện tích trồng nông lâm kết hợp và cây đặc sản, cây đa mục đích là 1,891,09 (ĐVT: 1.000 cây)
2	Khu vực nông thôn: vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng							
	Cộng I + II:	5.872,19						



Phụ lục 2

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

(Kèm Báo cáo số **635** /BC-UBND ngày **02** /~~10~~/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Kết quả huy động nguồn lực (triệu đồng)				Ghi chú
			NSNN	Vốn ODA	Vốn XHH	Nguồn khác	
I	Tổng DT trồng rừng tập trung	6.985,04	6.985,04				(Nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg là 1.363, 34 triệu đồng; Ngân sách địa phương 5.621,7 triệu đồng)
1	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng						
2	Trồng mới rừng sản xuất						
II	Trồng cây xanh phân tán	129.321			129.321		
1	Khu vực đô thị: đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng, vườn nhà và các công trình công cộng khác....						
2	Khu vực nông thôn: vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác,....						
	Cộng I + II:	136.306,04					



Phụ lục 4

KẾ HOẠCH TRỒNG CÂY XANH NĂM 2024 - 2025

(Kèm Báo cáo số **635** /BC-UBND ngày **02** /~~10~~ /2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT (1)	Hạng mục (2)	Tổng (3=4+5)	Năm 2024 (4)	Năm 2025 (5)	Ghi (6)
I	Tổng DT trồng rừng tập trung (ha)	2.000	1.000,0	1.000,0	
	Quy ra tổng số cây tương đương (ĐVT: 1.000 cây). Trong đó:	3.200	1.600,0	1.600,0	
1	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng (ha)				
	<i>Quy ra số cây tương đương (1.000 cây)</i>				
2	Trồng mới rừng sản xuất (ha)				
	<i>Quy ra số cây tương đương (1.000 cây)</i>				
II	Trồng cây xanh phân tán (ĐVT: 1.000 cây)	1.239	619,5	619,5	
1	Khu vực đô thị: đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng, vườn nhà và các công trình công cộng khác....(1.000 cây)				
2	Khu vực nông thôn: vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác,... (1.000 cây)				
	Cộng I + II:	4.439			

